TAND HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HNGĐ - ST
Ngày 08 tháng 6 năm 2023
V/v: *"Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ H;
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Lê Văn C;
2. Bà: Hà Thị H;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị A – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, Thanh Hóa.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn H - Kiểm sát viên;

Ngày 08 tháng 6 năm 2023. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân. Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa mở lại phiên tòa đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 176/2022/TLST – HNGĐ, ngày 24/11/2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST – HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST - HNGĐ ngày 19/5/2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Vi Thị N – sinh năm 2000;
Địa chỉ: thôn TT, xã XT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.
(vắng mặt);

2.Bị đơn: Vi Văn Ngh – sinh năm 1997;
Địa chỉ: thôn NT, xã LS, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa;
(vắng mặt không có lý do);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2022 của chị Vi Thị N là nguyên đơn và bản tự khai của đương sự, các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

** Về hôn nhân*: Nguyên đơn Vi Thị N và bị đơn Vi Văn Ngh chung sống với nhau vào năm 2017, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, thật sự yêu thương nhau và không bị ai ép buộc được hai bên 2 gia đình đồng ý, tổ chức cưới

hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LS, huyện TX vào ngày 22/3/2018. Sau khi lấy nhau về, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, khoảng cuối năm 2018 thì tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn tình cảm vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm, suy nghĩ, cách sống của mỗi người là khác nhau, không thông cảm cho nhau nên không tìm thấy sự hòa hợp trong đời sống vợ chồng; nguyên đơn cho rằng bị đơn Vi Văn Ngh sống không có trách nhiệm với gia đình, anh Ngh bỏ đi làm ăn xa từ năm 2019 đến nay không quan tâm đến gia đình. Chị N đã nhiều lần động viên, khuyên ngăn nhưng anh Ngh vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đã được 2 bên gia đình nhiều lần dàn xếp, hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2019 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Hiện nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Tại phiên tòa nguyên đơn Vi Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn với bị đơn Vi Văn Ngh.

**Về con cái*: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung, tên cháu là Vi Văn H — sinh ngày 19/8/2017. Hiện tại cháu H đang ở với chị N, nay ly hôn. Nguyên đơn Vi Thị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con và đề nghị bị đơn Vi Văn Ngh cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

**Về tài sản và công nợ:* Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn Vi Văn Ngh sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân thì anh Ngh không có ý kiến gì, cũng không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập cũng như thông báo hòa giải. Qua xác minh tại địa phương thì anh Vi Văn Ngh có hộ khẩu thường trú tại thôn NT, xã LS, huyện TX, hiện tại anh Ngh đang đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương; các giấy tờ Tòa án huyện Thường Xuân tống đạt cho chị Vi Thị Ch(em gái anh Ngh), chị Ch đã thông tin lại cho anh Ngh biết, nhưng anh Ngh cũng không có ý kiến gì. Như vậy anh Vi Văn Ngh không hợp tác, gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân đã lập biên bản về việc không hòa giải được đối với vụ việc trên. Vào ngày 19 tháng 5 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân đã mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử, đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ, nhưng bị đơn Vi Văn Ngh vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân đã ra quyết định hoãn phiên tòa, niêm yết công khai quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay một lần nữa bị đơn Vi Văn Ngh vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm vợ chồng, UBND xã LS, huyện TX đã xác nhận: Mâu thuẫn tình cảm vợ chồng anh Vi Văn Ngh và chị Vi Thị N chính quyền địa phương không nắm được, thôn, xã cũng không được hòa

giải mâu thuẫn tình cảm vợ chồng. Hiện tại chị N đã trở về nhà bố mẹ đẻ ở xã XT, huyện TX để sinh sống.

*Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có thiếu sót vi phạm gì; Về tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành chấp hành đúng các quy định, bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt không có lý do. Việc ra bản án vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51,56,57, 81,82 và 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; Khoản 2 Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 271,273,278 BLTTDS 2015; Điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn Vi Thị N; Giao cháu Vi Văn H cho nguyên đơn Vi Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đến tuổi trưởng thành, bị đơn Vi Văn Ngh không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại chăm sóc con không ai được ngăn cản; Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Vi Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con với anh Vi Văn Ngh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2.Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Vi Văn Ngh có nơi cư trú tại thôn NT, xã LS, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

1.3.Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng măt; Bị đơn đã được Tòa án niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Xét thấy sự vắng mặt của bị đơn không thuộc trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Căn cứ vào Điều 227, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

2.1Về hôn nhân: Nguyên đơn Vi Thị N và bị đơn Vi Văn Ngh tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 22/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã LS, huyện TX, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau nên không tìm thấy tiếng nói chung trong đời sống vợ chồng. Chị N xin ly hôn, anh Ngh không có ý kiến gì. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy về hôn nhân giữa nguyên đơn Vi Thị N và bị đơn Vi Văn Ngh đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2019 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Vì vậy nên chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Vi Thị N là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

2.2 Về con cái: Xét việc đề nghị yêu cầu nuôi con của chị N là nguyện vọng chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đề nghị giao cháu Vi Văn H cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Để đảm bảo các điều kiện phát triển bình thường của trẻ em, do cháu đang còn nhỏ, tâm sinh lý phát triển chưa hoàn thiện nên cần sự quan tâm, gần gủi chăm sóc từ người mẹ, hiện nay cháu H đang ở cùng với chị. Bản thân anh Ngh đang đi làm ăn xa, chị N có công việc và thu nhập ổn định(từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ/tháng) vì vậy giao cháu Vi Văn H cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Bị đơn Vi Văn Ngh được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Vi Thị N yêu cầu bị đơn Vi Văn Ngh cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng theo quy định của pháp luật cho đến khi cháu Vi Văn H đủ 18 tuổi. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn Vi Thị N rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc rút yêu cầu của chị N là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và không xem xét đến việc cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về tài sản, công nợ: Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4.Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51,56,57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, 238, 271, 273, 278 và 280 BLTTDS

2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016.

1.Về hôn nhân:

Xử: Cho nguyên đơn Vi Thị N được ly hôn với bị đơn Vi Văn Ngh.

2.Về con cái:

Giao cháu Vi Văn H cho nguyên đơn Vi Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ tháng 6/2023 cho đến khi cháu H đến tuổi trưởng thành(đủ 18 tuổi). Bị đơn Vi Văn Ngh không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con không ai được ngăn cản.

3.Về án phí và các vấn đề khác:

Nguyên đơn Vi Thị N phải nộp **300.000đ**(Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn Vi Thị N đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0015473, ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân, Thanh Hóa. Nguyên đơn Vi Thị N đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí HNGĐ sơ thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thường Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thường Xuân;
- Ban Tư pháp xã LS;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Sỹ H